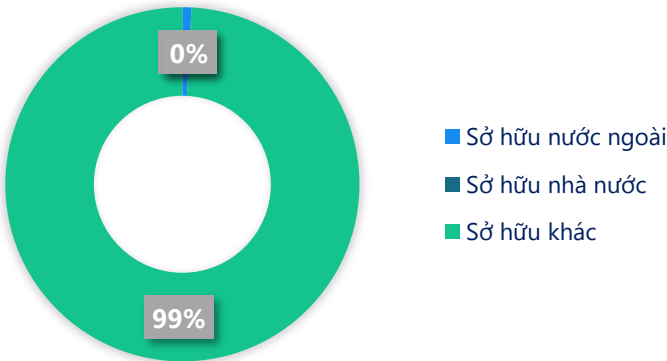


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		500
SL cổ phiếu LH		51,599,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,260
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		26
P/E		-0.4
EPS		-1,135

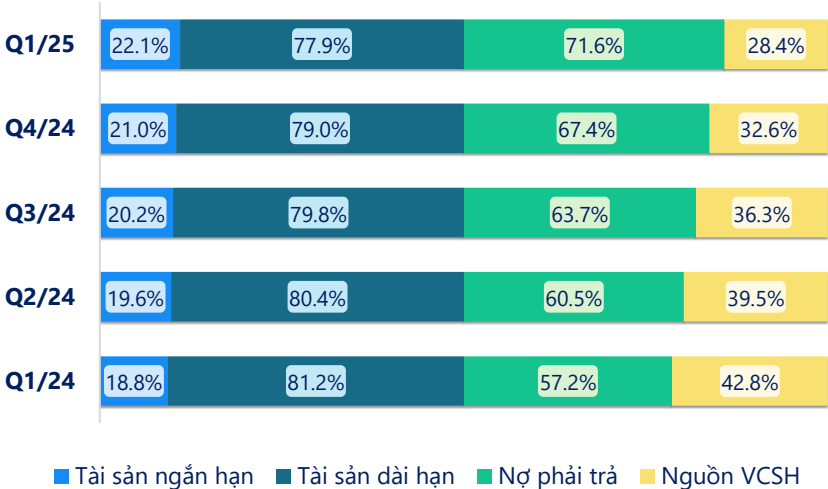
	YTD	1T	3T	6T
HKB	-16.7%	-16.7%	-16.7%	-28.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu sở hữu



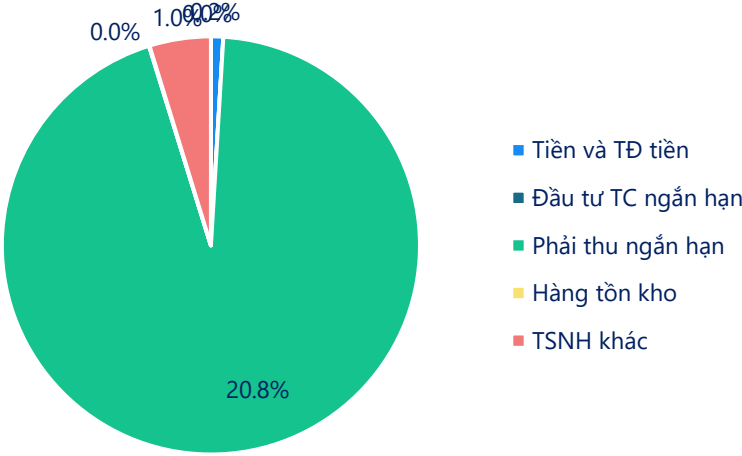
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

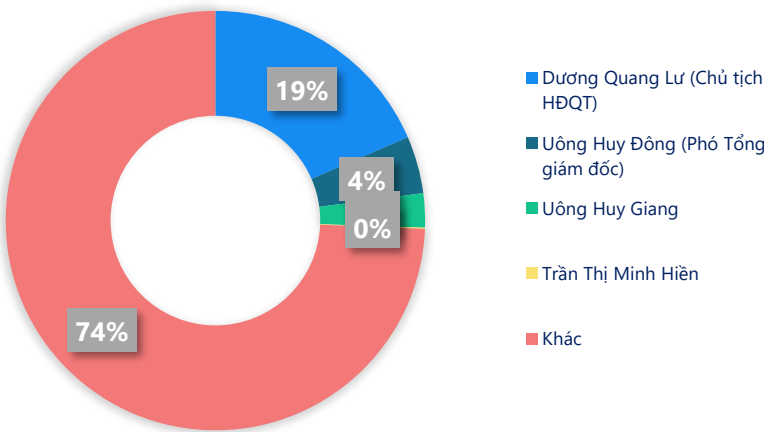
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q1/25

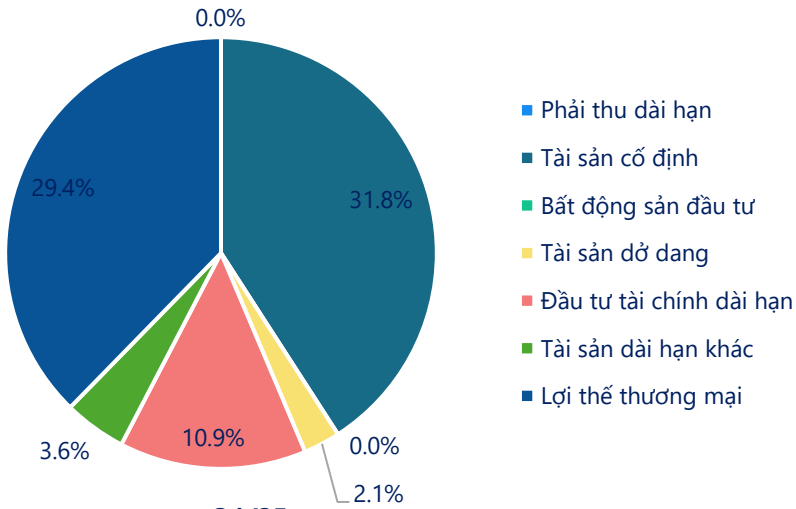
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



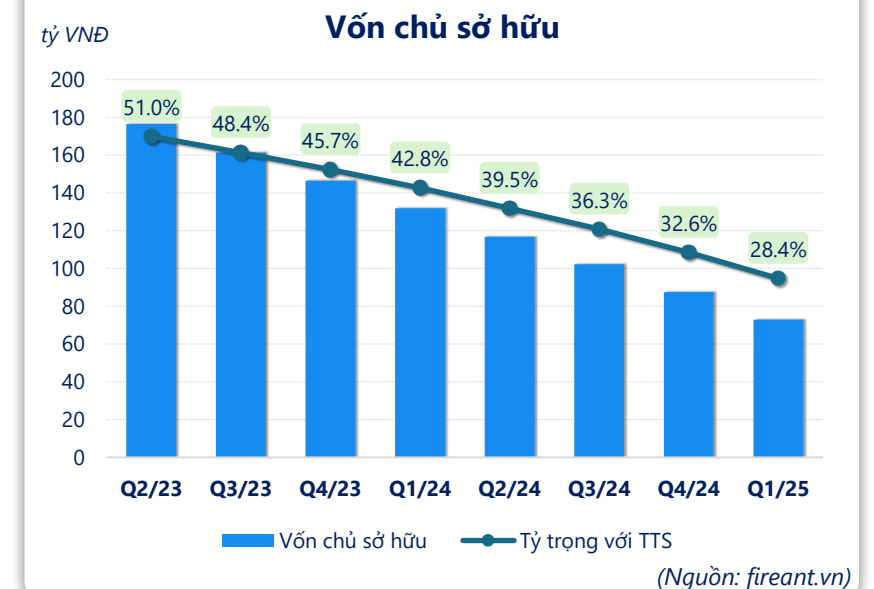
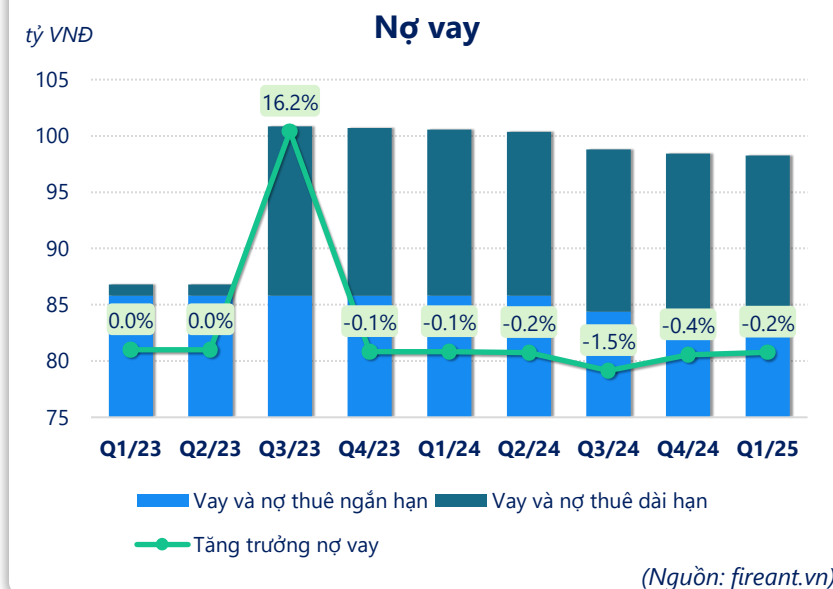
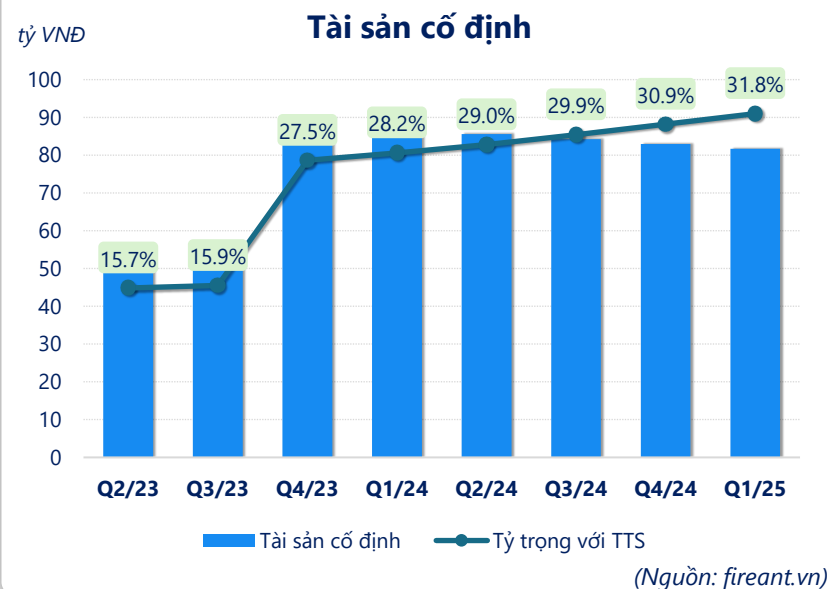
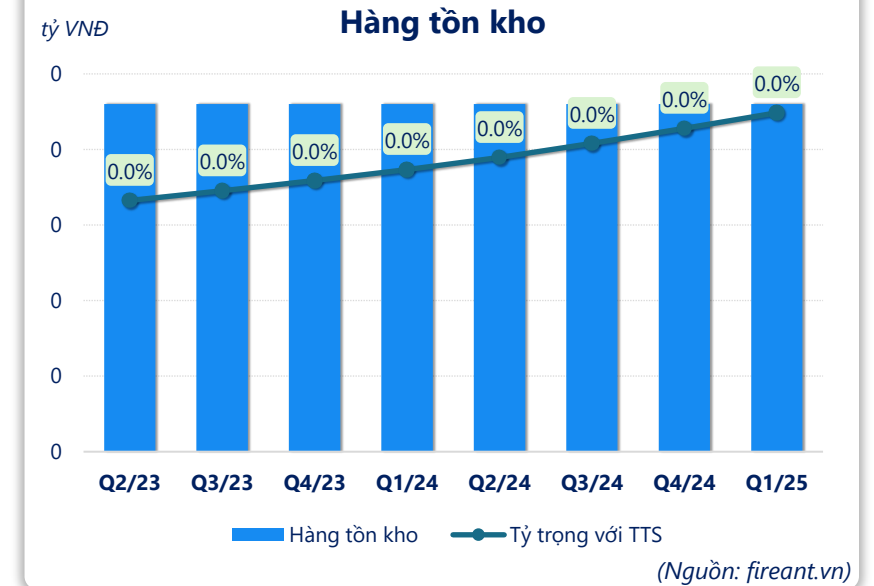
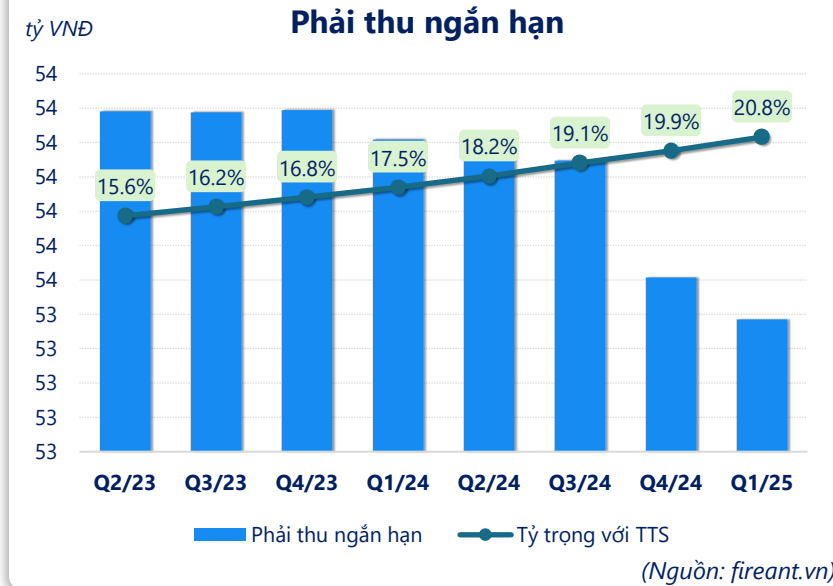
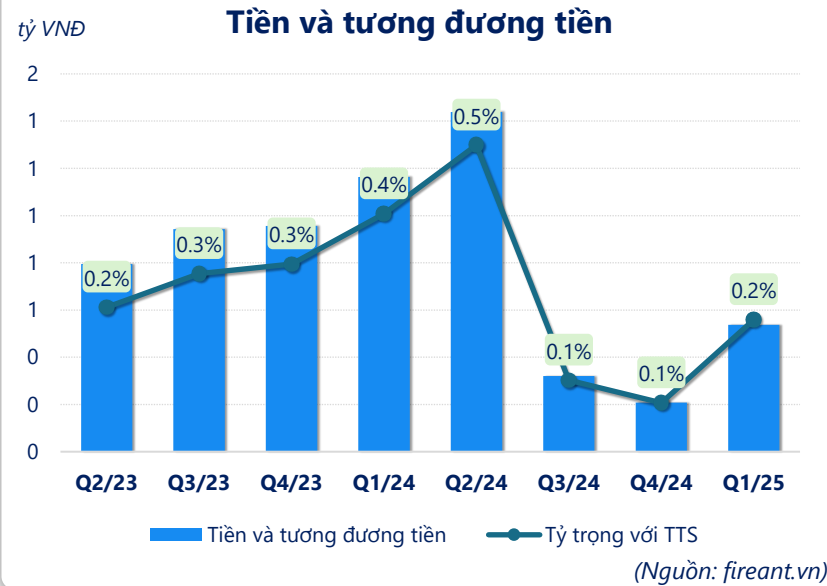
(Nguồn: fireant.vn)

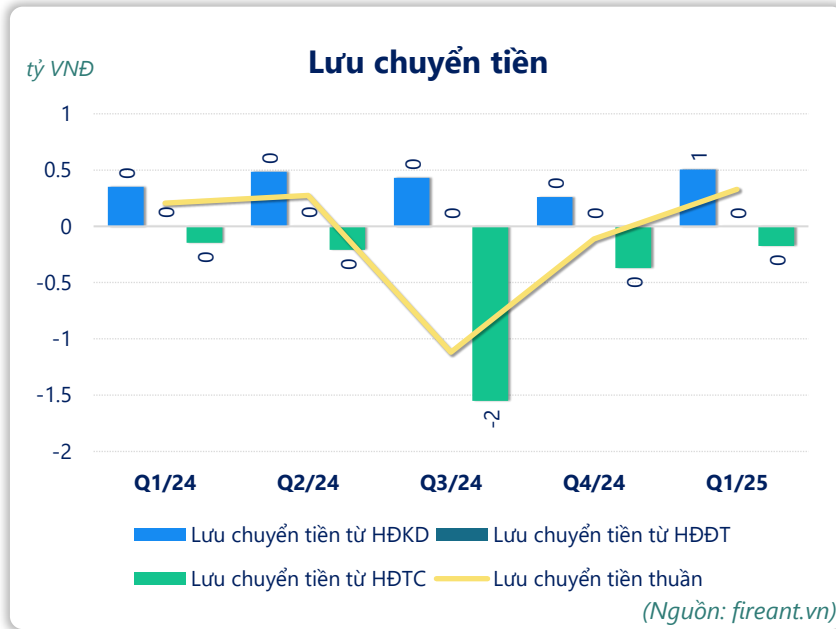
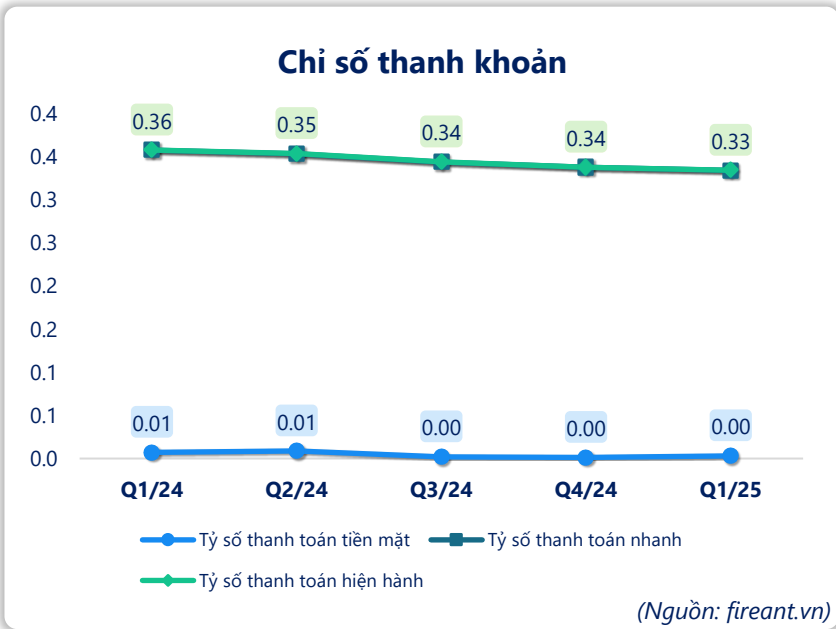
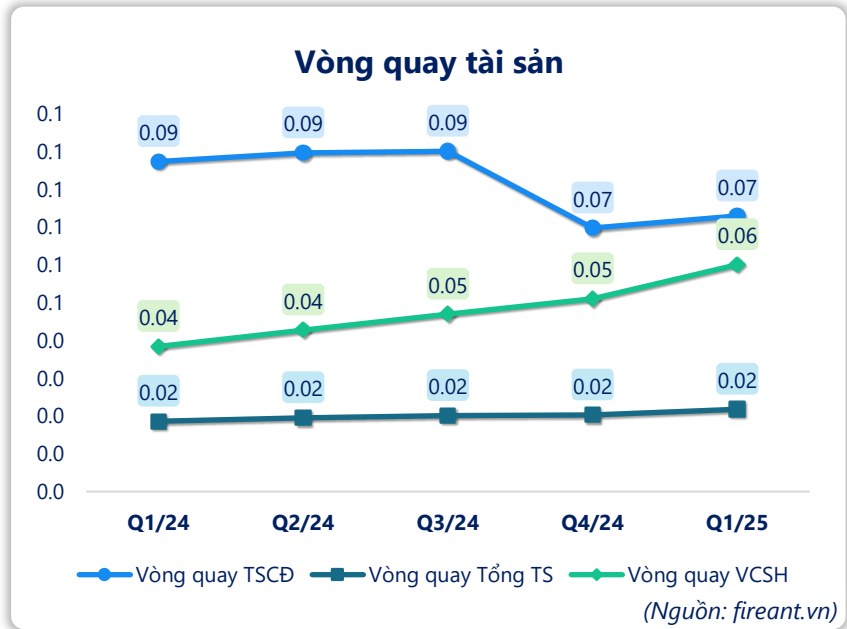
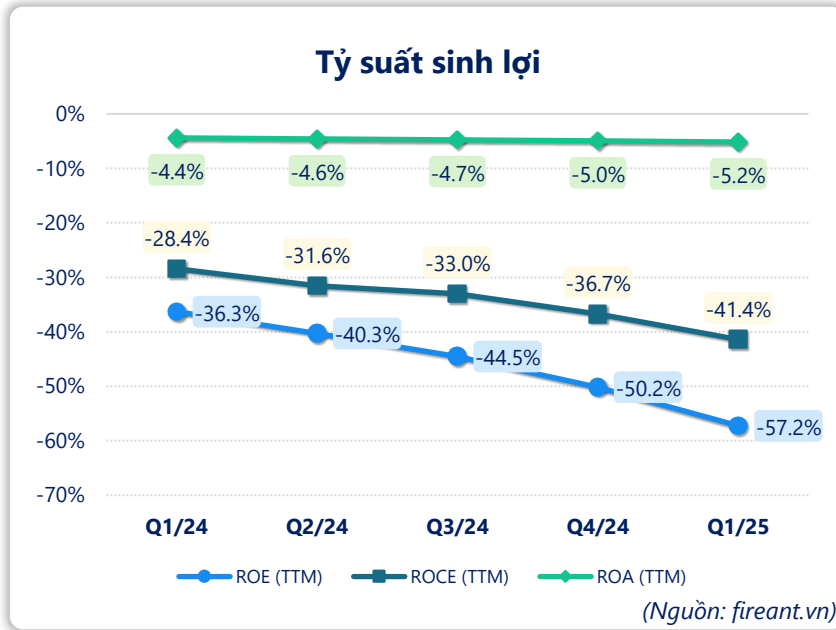
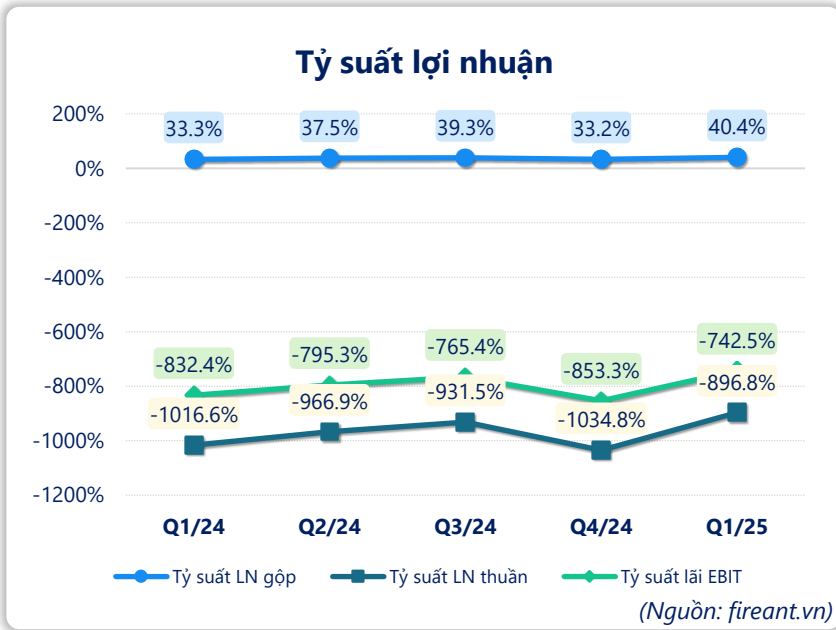
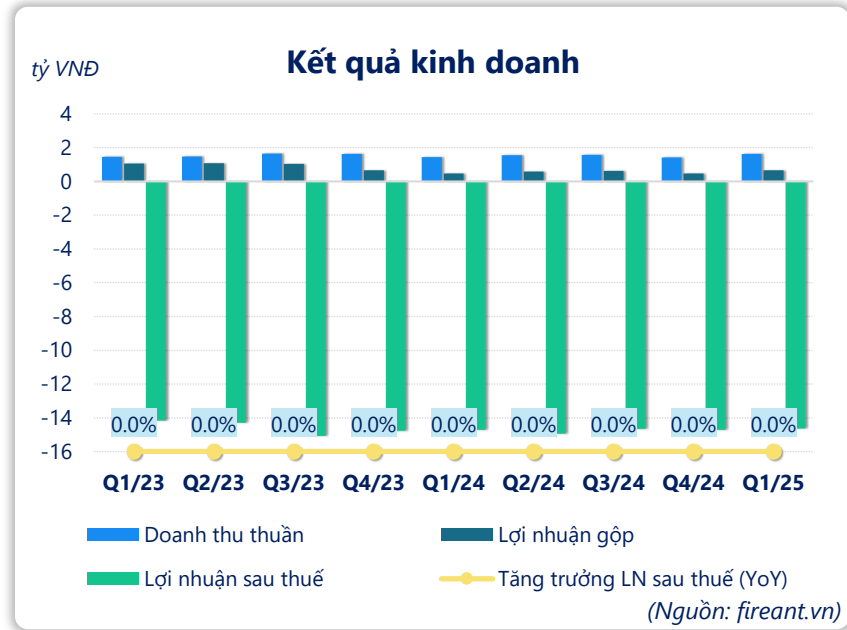
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	256	269	-4.6%
Tài sản ngắn hạn	56.6	56.4	0.4%
Tiền và tương đương tiền	0.54	0.21	158%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	53.4	53.5	-0.2%
Hàng tồn kho	0.02	0.02	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.69	2.69	0.2%
Tài sản dài hạn	200	212	-5.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	81.7	82.9	-1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.49	5.36	2.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	28.0	28.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	9.34	9.46	-1.3%
Lợi thế thương mại	75.3	86.6	-13.0%
Nợ phải trả	184	181	1.3%
Nợ ngắn hạn	169	167	1.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	84.1	84.1	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.3	15.4	-0.7%
Nợ dài hạn	14.2	14.3	-1.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.2	14.3	-1.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	72.9	87.5	-16.7%
Vốn chủ sở hữu	72.9	87.5	-16.7%
Vốn điều lệ	516	516	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1.44	1.54	1.57	1.41	1.62
Giá vốn hàng bán	0.96	0.96	0.95	0.94	0.97
Lợi nhuận gộp	0.48	0.58	0.62	0.47	0.65
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	2.67	2.67	2.65	2.63	2.59
Chi phí lãi vay	2.67	2.67	2.65	2.63	2.59
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	12.5	12.8	12.6	12.5	12.6
LN thuần từ HĐKD	-14.7	-14.9	-14.6	-14.6	-14.5
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.03	-0.05	-0.06	-0.09
LN trước thuế	-14.7	-14.9	-14.6	-14.7	-14.6
Lợi nhuận sau thuế	-14.7	-14.9	-14.6	-14.7	-14.6
LNST của CĐ cty mẹ	-14.7	-14.8	-14.6	-14.6	-14.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.35	0.49	0.43	0.26	0.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.15	-0.21	-1.55	-0.37	-0.18
Tiền đầu kỳ	0.96	1.16	1.44	0.32	0.21
Lưu chuyển tiền thuần	0.21	0.28	-1.12	-0.11	0.33
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	1.16	1.44	0.32	0.21	0.54

(Nguồn: fireant.vn)